

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21-8-2019.

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình ly
hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phú

2. Ông Ngô Văn Khon

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Không.

Trong các ngày 05 và 21 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc Y, sinh năm: 1991.

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành H, sinh năm: 1986.

Nơi cư trú: Ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2019, bản tự khai ngày 16/7/2019 của chị Lê Thị Ngọc Y, biên bản hòa giải ngày 01/7/2019 và ngày 16/7/2019 và trong quá trình xét xử:

* Nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc Y trình bày: Chị và anh H tự nguyện tìm hiểu vào khoảng tháng 3,4 năm 2013 đến khoảng tháng 7,8/2013 về sống chung tại thành phố Hồ Chí Minh, không có tổ chức đám cưới do gia đình chị Y không đồng ý và đăng ký kết hôn ngày 15/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã L. Trong thời gian

chung sống vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 10/ 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh H hay ghen, đánh đập, kinh tế gia đình khó khăn. Nên chị không thể chung sống với anh H được nữa và đã ly thân từ tháng 12/2018 đến nay, không hàn gắn được. Quá trình chung sống có tạo được: Con chung tên Nguyễn Phúc K, sinh ngày 10/11/2014, đang sống với chị Y; Tài sản chung tự thỏa thuận; Nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nay chị Y yêu cầu ly hôn với anh H, con chung yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phúc K, sinh ngày 10/11/2014, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Thành H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 1, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H không cung cấp văn bản ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của chị Y, cũng như tham dự phiên họp hòa giải và phiên tòa lần 1 nên tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của anh H về yêu cầu khởi kiện của chị Y.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc Y trình bày: Sau thời gian ly thân thì chị và anh H có gặp nhưng không hàn gắn được do chị không còn tình cảm với anh H, anh H không lo làm ăn lại nghiện game, hiện nay chị làm công nhân tại thành phố Hồ Chí Minh, lương mỗi tháng thu nhập khoảng 7.000.000đ. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh H, yêu cầu nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Thành H, hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2.] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/12/2015 giữa chị Y và anh H, nay chị Y yêu cầu ly hôn với anh H, yêu cầu nuôi con, yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con nên phát sinh tranh chấp ly hôn và nuôi con chung. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về pháp luật áp dụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[1.4] Về việc vắng mặt bị đơn: Tại phiên tòa hôm nay anh H vắng mặt lần thứ hai, Hội đồng xét xử xét thấy anh H đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng anh H vẫn vắng mặt, không có lý do. Nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp cho anh H, bà Nguyễn Thị Lệp là mẹ của anh H nhận thay và cam kết giao lại cho anh H, nhưng anh H không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, cũng như phiên tòa, đã chứng minh được bị đơn cố tình vắng mặt, không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] **Về hôn nhân:** Hôn nhân giữa chị Y và anh H là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng trong quá trình chung sống anh H thường hay ghen tuông, đánh đập chị Y, dẫn đến cự cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh chị ly thân từ cuối năm 2018 đến nay nhưng anh chị và gia đình hai bên không tìm cách hàn gắn tình cảm. Anh H đã được Tòa án thông báo hòa giải 02 lần để tạo cơ hội cho anh chị hàn gắn tình cảm, nhưng anh H không đến, từ đó cho thấy anh H không muốn hàn gắn đoàn tụ với chị Y. Tại phiên tòa chị Y cương quyết ly hôn với anh H, nhận thấy hôn nhân giữa chị Y và anh H mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y đối với anh H là phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] **Về con chung:** Trong thời gian chung sống anh chị có 01 người con tên Nguyễn Phúc K, sinh ngày 10/11/2014 (được 05 tuổi), hiện nay đang sống với chị Y. Tại phiên tòa chị Y yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị Y và anh H ly thân cho đến nay cháu K sống với chị Y, chị Y nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục tốt, không có chứng cứ chứng minh chị Y bỏ bê hoặc bạo hành cháu K. Để cháu có cuộc sống ổn định, phát triển tốt, không gây ảnh hưởng về mặt tâm lý khi cha mẹ ly hôn, ổn định việc học, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của cháu và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên sau khi ly hôn. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Y, tiếp tục giao cháu K cho chị Y chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành là phù hợp với khoản 2 Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Y yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu cấp dưỡng cho con của chị Y là có cơ sở chấp nhận, do chị Y được Tòa án giao quyền nuôi con, nên có quyền yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con chưa thành niên là phù hợp với quy định tại Điều 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] **Về tài sản chung và nợ chung:** Tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] **Về án phí:**

[5.1.] Nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc Y phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc.

[5.2.] Bị đơn anh Nguyễn Thành H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28 , điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Ngọc Y đối với anh Nguyễn Thành H, cho chị Lê Thị Ngọc Y ly hôn với anh Nguyễn Thành H.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Ngọc Y về việc nuôi con chung.

2.1. Giao cháu Nguyễn Phúc K, sinh ngày 10/11/2014 cho chị Lê Thị Ngọc Y tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi.

2.2. Buộc anh Nguyễn Thành H phải có trách nhiệm cấp dưỡng hàng tháng cho cháu Nguyễn Phúc K, sinh ngày 10/11/2017 với mức cấp dưỡng mỗi tháng là $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định, cho đến khi cháu Nguyễn Phúc K đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày xét xử, ngày 21/8/2019.

2.3. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Thành H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.4. Anh Nguyễn Thành H không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Lê Thị Ngọc Y có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của anh Nguyễn Thành H.

3. Về án phí:

3.1. Chị Lê Thị Ngọc Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Y đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BH/2017- 0009447 ngày 03/6/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, chị Y không phải nộp thêm.

3.2. Anh Nguyễn Thành H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 21/8/2019). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Bình;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Tân Long, huyện Thanh Bình, Đồng Tháp;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án/ Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lý Thị Bích Thơ